

**Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam
và công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên
độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
 Kinh doanh số**

4103002690		ngày 23 tháng 9 năm 2004
4103002690	điều chỉnh lần 1	ngày 17 tháng 4 năm 2007
4103002690	điều chỉnh lần 2	ngày 9 tháng 11 năm 2007
4103002690	điều chỉnh lần 3	ngày 21 tháng 5 năm 2008
4103002690	điều chỉnh lần 4	ngày 6 tháng 8 năm 2008
4103002690	điều chỉnh lần 5	ngày 12 tháng 5 năm 2009
0300405462	điều chỉnh lần 6	ngày 23 tháng 9 năm 2010
0300405462	điều chỉnh lần 7	ngày 31 tháng 5 năm 2011
0300405462	điều chỉnh lần 8	ngày 26 tháng 8 năm 2011
0300405462	điều chỉnh lần 9	ngày 28 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Trịnh Anh Tuấn
 Trần Thanh Văn
 Phạm Kiều Diễm
 Ngô Đình Luyện
 Cao Trọng Miên

Chủ tịch
 Thành viên
 Thành viên
 Thành viên
 Thành viên

Ban Kiểm soát

Tạ Duy Linh
 Vũ Nhất Tâm
 Võ Thị Cẩm Hồng

Trưởng ban Kiểm soát
 Thành viên
 Thành viên

Ban Giám đốc

Trần Thanh Văn
 Nguyễn Bảo Hạnh
 Trương Võ Văn Chính

Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

321 Trần Hưng Đạo
 Phường Cô Giang, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh
 Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
 Việt Nam

Công ty Cổ phần Pin Ấc Quy Miền Nam và công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2012



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ VIỆC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con**

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam (“Công ty”) và công ty con (được gọi chung là “Nhóm công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, trình bày từ trang 5 đến trang 38, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến loại trừ đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 26 tháng 3 năm 2012 do khoản dự phòng trợ cấp thôi việc bị ghi nhận thiếu là 18,6 tỷ VND và 15,4 tỷ VND, đồng thời lợi nhuận chưa phân phối bị ghi thừa một khoản tương tự lần lượt tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và ngày 31 tháng 12 năm 2011. Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận loại trừ đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo soát xét ngày 12 tháng 8 năm 2011 do khoản dự phòng trợ cấp thôi việc bị ghi nhận thiếu là 19,6 tỷ VND, đồng thời lợi nhuận chưa phân phối bị ghi thừa một khoản tương tự tại ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Chúng tôi đã thực hiện soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam áp dụng cho công việc soát xét giữa niên độ. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; và do đó, công việc này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở cho Kết luận loại trừ

Chúng tôi muốn lưu ý đến Thuyết minh 18 trong báo cáo tài chính. Mặc dù khoản dự phòng trợ cấp thôi việc đã được lập trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, khoản dự phòng này cần phải lập thêm 15,4 tỷ VND và 15,6 tỷ VND lần lượt tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 30 tháng 6 năm 2012, theo hướng dẫn trong Điều 42, Luật lao động và các yêu cầu pháp lý có liên quan. Do đó, dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 30 tháng 6 năm 2012 cần tăng lên lần lượt 15,4 tỷ VND và 15,6 tỷ VND, lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 30 tháng 6 năm 2012 cần giảm đi lần lượt 15,4 tỷ VND và 15,6 tỷ VND và lợi nhuận thuần sau thuế cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 cần được giảm đi 0,2 tỷ VND.

Kết luận Loại trừ

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng đối với vấn đề được đề cập trong đoạn Cơ sở cho Kết luận loại trừ, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 12-01-233




Chang Hung Chun

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0863/KTV

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2012

Công ty Cổ phần PinẮc Quy Miền Nam và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 01a - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		705.696.510.022	753.826.286.329
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	47.495.756.914	51.478.243.869
Tiền	111		32.495.756.914	51.478.243.869
Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	5	75.000.000.000	-
Các khoản phải thu	130	6	111.828.490.955	142.120.330.034
Phải thu khách hàng	131		103.212.292.583	112.448.107.692
Trả trước cho người bán	132		9.250.982.755	31.683.327.987
Các khoản phải thu khác	135		1.343.520.533	74.392.561
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.978.304.916)	(2.085.498.206)
Hàng tồn kho	140	7	446.430.107.866	543.502.062.085
Hàng tồn kho	141		446.430.107.866	543.660.107.740
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(158.045.655)
Tài sản ngắn hạn khác	150		24.942.154.287	16.725.650.341
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.681.070.109	1.580.767.051
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		17.624.480.793	13.250.098.824
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.636.603.385	1.894.784.466
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		433.785.403.763	433.269.675.708
Tài sản cố định	220		429.663.009.483	429.962.122.666
Tài sản cố định hữu hình	221	8	320.334.819.689	284.744.047.302
Nguyên giá	222		552.609.602.079	494.105.922.147
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(232.274.782.390)	(209.361.874.845)
Tài sản cố định vô hình	227	9	28.695.508.379	29.013.923.110
Nguyên giá	228		49.541.944.776	49.541.944.776
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.846.436.397)	(20.528.021.666)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	80.632.681.415	116.204.152.254
Đầu tư dài hạn	250		294.020.000	294.020.000
Đầu tư dài hạn khác	258		294.020.000	294.020.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.828.374.280	3.013.533.042
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.490.872.739	1.787.224.398
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	2.177.101.541	1.065.908.644
Tài sản dài hạn khác	268		160.400.000	160.400.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.139.481.913.785	1.187.095.962.037

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		600.034.713.544	637.439.109.437
Nợ ngắn hạn	310		592.190.495.133	623.546.702.911
Vay ngắn hạn	311	13	328.182.073.457	361.971.385.357
Phải trả người bán	312		154.342.811.893	127.083.750.835
Người mua trả tiền trước	313		1.863.774.856	1.353.412.777
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	14	6.082.615.856	7.141.701.191
Phải trả người lao động	315		53.255.238.405	70.888.285.281
Chi phí phải trả	316	15	13.947.513.871	28.204.490.416
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	25.281.496.293	15.776.589.276
Dự phòng bảo hành	320		4.648.537.973	4.648.537.973
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		4.586.432.529	6.478.549.805
Nợ dài hạn	330		7.844.218.411	13.892.406.526
Phải trả dài hạn khác	333		623.000.000	1.019.000.000
Vay dài hạn	334	17	3.721.218.411	9.373.406.526
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	18	3.500.000.000	3.500.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		539.470.466.554	549.674.522.130
Vốn chủ sở hữu	410	19	539.470.466.554	549.674.522.130
Vốn cổ phần	411	20	269.878.430.000	269.878.430.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		62.295.088.755	62.295.088.755
Cổ phiếu quỹ	414	20	(14.367.110.657)	(14.367.110.657)
Quỹ đầu tư và phát triển	417	21	77.177.527.175	77.177.527.175
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	25.161.897.230	25.161.897.230
Lợi nhuận chưa phân phối	420		119.324.634.051	129.528.689.627
LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỎ	439		(23.266.313)	(17.669.530)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		1.139.481.913.785	1.187.095.962.037

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 02a – DN

	Mã số	Thuyết minh	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Tổng doanh thu	01	22	820.627.915.940	1.043.806.421.580
Giảm trừ hàng bán bị trả lại	02		(107.340.200)	(276.499.000)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10		820.520.575.740	1.043.529.922.580
Giá vốn hàng bán	11		(653.212.297.506)	(807.907.556.129)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		167.308.278.234	235.622.366.451
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	3.733.731.465	16.479.289.602
Chi phí tài chính	22	24	(17.823.754.447)	(51.687.017.879)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		(14.609.827.682)	(11.339.071.526)
Chi phí bán hàng	24		(103.095.553.874)	(104.480.430.830)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(15.496.394.972)	(29.088.899.886)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		34.626.306.406	66.845.307.458
Thu nhập khác	31	25	340.173.305	1.361.559.062
Chi phí khác	32		-	(1.035.162.331)
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		340.173.305	326.396.731
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		34.966.479.711	67.171.704.189

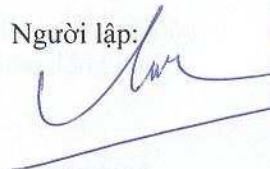
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 02a - DN

	Mã số	Thuyết minh	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		34.966.479.711	67.171.704.189
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	26	(9.010.400.932)	(8.557.089.848)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	26	1.111.192.897	-
Lợi nhuận thuần sau thuế (60 = 50 + 51 + 52)	60		27.067.271.676	58.614.614.341
Phân bổ cho:				
Lợi ích cổ đông thiểu số			(5.596.783)	-
Chủ sở hữu của Công ty			27.072.868.459	58.614.614.341
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.017	2.201

Người lập:



Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2012 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a - DN

	Mã số	Thuyết minh	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		34.966.479.711	67.171.704.189
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		23.617.069.708	12.299.780.353
Các khoản dự phòng	03		(265.238.945)	8.906.472.749
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(829.916.091)	(1.315.540.824)
Lãi thanh lý tài sản cố định	05		-	(4.545.455)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(1.622.209.638)	(9.175.517.590)
Chi phí lãi vay	06		14.609.827.682	11.339.071.526
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		70.476.012.427	89.221.424.948
Biến động các khoản phải thu	09		1.015.322.054	(60.718.075.872)
Biến động hàng tồn kho	10		97.229.999.874	(124.054.775.581)
Biến động các khoản phải trả	11		17.893.390.359	(75.414.873.124)
Biến động chi phí trả trước	12		-	298.006.967
			186.614.724.714	(170.668.292.662)
Tiền lãi vay đã trả	13		(15.078.961.037)	(10.920.995.506)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.919.929.106)	(8.823.272.338)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.892.117.276)	(6.942.941.611)
Tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		161.723.717.295	(197.355.502.117)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(23.021.604.866)	(6.208.061.122)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	4.545.455
Tiền chi cho các khoản tiền gửi vào ngân hàng	25		(75.000.000.000)	-
Thu lãi tiền gửi	27		357.070.775	11.920.251.281
Tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(97.664.534.091)	5.716.735.614

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2012 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a - DN

	Mã số	Thuyết minh	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ các khoản vay ngắn hạn và dài hạn	33		527.414.139.975	621.257.583.146
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(565.772.994.452)	(565.827.240.834)
Tiền chi thanh toán khoản phải trả dài hạn khác	35		(396.000.000)	-
Tiền trả cổ tức	36		(29.034.086.235)	-
Tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(67.788.940.712)	55.430.342.312
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(3.729.757.508)	(136.208.424.191)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		51.478.243.869	197.241.764.050
Ảnh hưởng của biến động tỷ giá đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(252.729.447)	364.553.008
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	47.495.756.914	61.397.892.867

Người lập:


 Nguyễn Duy Hưng
 Kế toán trưởng



Người duyệt:


 Trần Thanh Văn
 Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Pin Ấc Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Pin Ấc Quy Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm công ty”). Chi tiết của công ty con, được thành lập tại Việt Nam, như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	Phần trăm sở hữu thực tế
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và bán buôn nguyên vật liệu, thiết bị được sử dụng trong xây dựng.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310500637 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 12 năm 2010.	60%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Nhóm công ty có 1.150 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.091 nhân viên) và Công ty có 1.148 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.089 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và cấu trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 6 năm
▪ khác	5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ phát sinh liên quan đến việc phục vụ hoạt động sản xuất của nhà máy. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(ii) Khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác liên quan đến việc phục vụ hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích cung cấp các thông tin thuyết minh về mức trọng yếu của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Nhóm công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Nhóm công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Nhóm công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế của mỗi kỳ theo quyết định của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả thưởng và các khoản phúc lợi khác cho nhân viên của Nhóm công ty.

(p) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Nhóm công ty không có lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Nhóm công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy, và trong một vùng địa lý chủ yếu là Việt Nam.

(u) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	704.531.768	1.204.167.577
Tiền gửi ngân hàng	31.791.225.146	50.274.076.292
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	-
	47.495.756.914	51.478.243.869

Trong tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 có số ngoại tệ xấp xỉ 173 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.338 triệu VND).

5. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời gian đáo hạn trong vòng 12 tháng và có lãi suất năm dao động từ 11% đến 12%.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền lãi phải thu	1.265.138.863	-
Tài sản chờ thanh lý	16.623.670	21.721.915
Khác	61.758.000	52.670.646
	1.343.520.533	74.392.561

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	2.085.498.206	450.939.561
Hoàn nhập	(107.193.290)	(17.760.000)
Số dư cuối kỳ	1.978.304.916	433.179.561

7. Hàng tồn kho

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên vật liệu	191.875.497.759	200.439.520.972
Thành phẩm	128.953.384.398	234.423.337.529
Hàng đang đi đường	39.901.846.557	41.901.856.727
Sản phẩm dở dang	85.250.959.538	66.805.746.026
Hàng hóa tồn kho	448.419.614	89.646.486
	446.430.107.866	543.660.107.740
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(158.045.655)
	446.430.107.866	543.502.062.085

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	158.045.655	-
Tăng trong kỳ	-	204.693.659
Hoàn nhập	(158.045.655)	-
Số dư cuối kỳ	-	204.693.659

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	102.352.650.750	366.975.562.210	14.847.922.063	9.127.781.824	802.005.300	494.105.922.147
Tăng trong kỳ	-	274.730.000	-	10.700.000	-	285.430.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.500.639.091	49.717.610.841	-	-	-	58.218.249.932
Số dư cuối kỳ	110.853.289.841	416.967.903.051	14.847.922.063	9.138.481.824	802.005.300	552.609.602.079
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	27.834.660.291	168.886.905.721	7.810.912.873	4.760.840.987	68.554.973	209.361.874.845
Khấu hao trong kỳ	3.423.442.786	17.920.717.963	798.475.185	690.509.335	79.762.276	22.912.907.545
Số dư cuối kỳ	31.258.103.077	186.807.623.684	8.609.388.058	5.451.350.322	148.317.249	232.274.782.390
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	74.517.990.459	198.088.656.489	7.037.009.190	4.366.940.837	733.450.327	284.744.047.302
Số dư cuối kỳ	79.595.186.764	230.160.279.367	6.238.534.005	3.687.131.502	653.688.051	320.334.819.689

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 131.043 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 121.403 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 15.857 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 3.013 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	47.293.702.056	2.248.242.720	49.541.944.776
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	18.527.936.164	2.000.085.502	20.528.021.666
Khấu hao trong kỳ	271.680.439	46.734.292	318.414.731
Số dư cuối kỳ	18.799.616.603	2.046.819.794	20.846.436.397
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	28.765.765.892	248.157.218	29.013.923.110
Số dư cuối kỳ	28.494.085.453	201.422.926	28.695.508.379

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 18.442 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 18.442 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	116.204.152.254	160.844.590.146
Tăng trong kỳ	22.646.779.093	80.186.014.835
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(58.218.249.932)	(11.156.975.910)
Số dư cuối kỳ	80.632.681.415	229.873.629.071

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 30.125 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 43.517 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.302.570.732	484.653.666	1.787.224.398
Tăng trong kỳ	89.395.773	-	89.395.773
Phân bổ trong kỳ	(276.911.834)	(108.835.598)	(385.747.432)
Số dư cuối kỳ	1.115.054.671	375.818.068	1.490.872.739

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	559.836.308	279.918.154
Các khoản phải trả	391.948.378	180.656.666
Dự phòng bảo hành	1.162.134.493	581.067.247
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	19.755.707
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	63.182.362	4.510.870
	2.177.101.541	1.065.908.644

13. Vay ngắn hạn

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	320.942.194.913	355.083.299.779
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 17)	7.239.878.544	6.888.085.578
	328.182.073.457	361.971.385.357

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng Thương mại Chinatrust Việt Nam	USD	4,50% - 5,00%	24.031.214.975	-
Ngân hàng Thương mại Chinatrust Việt Nam	VND	16,50% - 18,70%	-	24.770.237.818
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	16,50% - 17,50%	-	25.064.094.945
Ngân hàng TNHH Indovina	USD	5,00%	10.348.540.928	26.065.169.150
Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	VND	6,50% - 18,00%	46.671.725.025	27.065.214.865
Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	USD	4,45% - 5,00%	100.841.676.254	147.035.840.228
Ngân hàng TNHH ANZ (Việt Nam)	USD	4,50% - 5,20%	1.126.378.240	18.271.720.200
Ngân hàng TNHH ANZ (Việt Nam)	VND	18,00%	-	11.451.026.933
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	USD	6,00% - 6,50%	114.808.744.471	15.233.765.199
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	EUR	6,00% - 6,50%	680.865.185	518.273.569
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đệ Nhất	USD	5,15% - 5,30%	19.137.664.503	58.524.900.872
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	USD	4,00%	3.295.385.332	1.083.056.000
			320.942.194.913	355.083.299.779

Tất cả các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

14. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.840.391.691	3.749.919.865
Thuế thu nhập cá nhân	180.349.200	536.893.667
Thuế giá trị gia tăng	1.060.586.325	2.853.510.339
Thuế khác	1.288.640	1.377.320
	6.082.615.856	7.141.701.191

15. Chi phí phải trả

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Hoa hồng phải trả cho các đại lý	12.379.720.361	15.142.499.980
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	11.616.737.110
Lãi vay phải trả	784.119.971	1.253.253.326
Phải trả khác	783.673.539	192.000.000
	13.947.513.871	28.204.490.416

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Phí công đoàn	4.319.755.740	2.994.706.669
Bảo hiểm xã hội	284.640.202	64.044.689
Bảo hiểm y tế	29.181.600	-
Bảo hiểm thất nghiệp	12.969.600	-
Cổ tức phải trả	19.395.700.800	11.152.863.000
Phải trả khác	1.239.248.351	1.564.974.918
	25.281.496.293	15.776.589.276

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

17. Vay dài hạn

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn	10.961.096.955	16.261.492.104
Phải trả trong vòng mười hai tháng (Thuyết minh 13)	(7.239.878.544)	(6.888.085.578)
Phải trả sau mười hai tháng	3.721.218.411	9.373.406.526

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	VND	18,0%	2012	-	2.115.457.118
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	USD	6,5%	2012 - 2013	6.302.719.424	8.456.792.840
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	EUR	6,0%	2012 - 2013	4.658.377.531	5.689.242.146
				10.961.096.955	16.261.492.104

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, các khoản vay dài hạn tại ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 15.857 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 3.013 triệu VND) (xem thuyết minh 8) và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 30.125 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 43.517 triệu VND) (xem thuyết minh 10).

18. Dự phòng trợ cấp thôi việc

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	3.500.000.000

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, Nhóm công ty đã đóng 178 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011: 162 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

19. Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	225.501.220.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	58.684.898.016	21.036.091.015	127.570.246.793	480.720.433.922
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	58.614.614.341	58.614.614.341
Phân bổ vào quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	11.051.113.311	2.559.672.208	(13.610.785.519)	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.095.475.533)	(4.095.475.533)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	225.501.220.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	69.736.011.327	23.595.763.223	168.478.600.082	535.239.572.730
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	38.241.828.611	38.241.828.611
Cổ tức							
- Cổ phiếu	44.377.210.000	-	-	-	-	(44.377.210.000)	-
- Tiền mặt (Thuyết minh 28)	-	-	-	-	-	(21.301.064.800)	(21.301.064.800)
Phân bổ vào quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	7.441.515.848	1.566.134.007	(9.007.649.855)	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.505.814.411)	(2.505.814.411)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	77.177.527.175	25.161.897.230	129.528.689.627	549.674.522.130
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	27.072.868.459	27.072.868.459
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	-	-	-	(37.276.924.035)	(37.276.924.035)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	77.177.527.175	25.161.897.230	119.324.634.051	539.470.466.554

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	26.987.843	269.878.430.000	26.987.843	269.878.430.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.987.843	269.878.430.000	26.987.843	269.878.430.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(361.512)	(14.367.110.657)	(361.512)	(14.367.110.657)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.626.331	266.263.310.000	26.626.331	266.263.310.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

21. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ đầu tư và phát triển và quỹ dự phòng tài chính, được trích lập từ lợi nhuận sau thuế từng kỳ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

22. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	1.622.209.638	9.175.517.590
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.111.512.067	7.261.433.612
Khác	9.760	42.338.400
	3.733.731.465	16.479.289.602

24. Chi phí tài chính

	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí lãi vay	14.609.827.682	11.339.071.526
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.620.845.126	40.103.193.698
Khác	593.081.639	244.752.655
	17.823.754.447	51.687.017.879

25. Thu nhập khác

	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Bán phế liệu	324.497.143	1.334.932.407
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	4.545.455
Khác	15.676.162	22.081.200
	340.173.305	1.361.559.062

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

26. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	9.010.400.932	8.557.089.848
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(45.284.253)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận kỳ trước	(1.065.908.644)	-
	(1.111.192.897)	-
Chi phí thuế thu nhập	7.899.208.035	8.557.089.848

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	34.966.479.711	67.171.704.189
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	8.741.619.928	16.792.926.048
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận kỳ trước	(1.065.908.644)	-
Ưu đãi thuế	-	(8.235.836.200)
Chi phí không được khấu trừ thuế	219.998.762	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	3.497.989	-
	7.899.208.035	8.557.089.848

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập như sau:

Đơn vị	Thuế suất hiện hành	Ưu đãi thuế
Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam	25%	Được miễn thuế hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận tính thuế (2005) và được giảm 50% trong 5 năm tiếp theo.
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú	25%	Không

Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp tính từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 27.072.868.459 VND (2011: 58.614.614.341 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 26.626.331 (2011: 26.626.331), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	27.072.868.459	58.614.614.341

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	26.626.331	22.188.610
Ảnh hưởng của việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	4.437.721
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6	26.626.331	26.626.331

28. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 21 tháng 4 năm 2012 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 58.577.988.835 VND (2.200 VND trên mỗi cổ phiếu). Trong đó, khoản tiền tương đương 21.301.064.800 VND được trả trước trong năm 2011 dựa trên lợi nhuận sau thuế của giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011.

29. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Nhóm công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Phần này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro trong các rủi ro trên mà Nhóm công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Nhóm công ty sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Nhóm công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Note	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn	(ii)	121.791.225.146	50.274.076.292
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	104.555.813.116	112.522.500.253
		226.347.038.262	162.796.576.545

(ii) Tiền tại ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn

Tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Nhóm công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Nhóm công ty.

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Nhóm công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, ban Giám đốc của Nhóm công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Nhóm công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Nhóm công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Giá trị gộp 30/6/2012 VND	Dự phòng nợ phải thu khó đòi 30/6/2012 VND
Trong hạn	80.473.211.669	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	9.613.939.786	-
Quá hạn từ 31 – 120 ngày	10.165.653.466	-
Quá hạn trên 121 ngày	4.303.008.195	(1.978.304.916)
	104.555.813.116	(1.978.304.916)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Nhóm công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Nhóm công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Nhóm công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Nhóm công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND	Từ 1-2 năm VND
Các khoản phải trả người				
bán và phải trả khác	179.624.308.186	179.624.308.186	179.624.308.186	-
Vay ngắn hạn	320.942.194.913	329.003.393.593	329.003.393.593	-
Vay dài hạn	10.961.096.955	11.491.514.370	7.721.987.221	3.769.527.149
Phải trả nhân viên	53.255.238.405	53.255.238.405	53.255.238.405	-
Phải trả dài hạn khác	623.000.000	623.000.000	-	623.000.000
	565.405.838.459	573.997.454.554	569.604.927.405	4.392.527.149

Nhóm công ty quản lý quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Nhóm công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Nhóm công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Nhóm công ty như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công cụ lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	121.791.225.146	50.274.076.292
Nợ phải trả tài chính	10.961.096.955	16.261.492.104
Công cụ lãi suất biến động		
Nợ phải trả tài chính	320.942.194.913	355.083.299.779

Phân tích độ nhạy cảm của dòng lưu chuyển tiền tệ đối với các công cụ có lãi suất biến động

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng/(giảm) vốn chủ sở hữu và kết quả hoạt động kinh doanh bằng các số liệu trình bày trong bảng dưới đây. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỉ giá hối đoái.

	Lãi và lỗ		Vốn chủ sở hữu	
	Tăng 100 điểm	Giảm 100 điểm	Tăng 100 điểm	Giảm 100 điểm
30/6/2012				
Công cụ có lãi suất biến động	(922.648.254)	922.648.254	(922.648.254)	922.648.254
Độ nhạy cảm của dòng lưu chuyển tiền tệ (thuần)	(922.648.254)	922.648.254	(922.648.254)	922.648.254

(e) Rủi ro hối đoái

Nhóm công ty có rủi ro hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND. Các đơn vị tiền tệ làm phát sinh rủi ro này chủ yếu là USD, EUR và JPY.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Rủi ro hối đoái của Nhóm công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép. Ban Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa tỷ giá hối đoái vì cho rằng chi phí thực hiện các công cụ này vượt quá rủi ro tiềm ẩn của biến động tỷ giá hối đoái.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Nhóm công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái như sau:

30/6/2012	USD	EUR	JPY
Tiền gửi ngân hàng	8.020	206	-
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	1.156.238	-	-
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(4.433.779)	-	(1.329.500)
Vay ngắn hạn	(13.227.589)	(77.715)	-
Vay dài hạn	(211.895)	(124.892)	-
Trạng thái thuần trên bảng cân đối kế toán	(16.709.005)	(202.401)	(1.329.500)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Nhóm công ty áp dụng:

	30/6/2012 VND
USD	20.828
EUR	26.432
JPY	266

(ii) Phân tích độ nhạy cảm

Việc giảm 10%, 5% và 5% của VND so với USD, EUR, JPY tại thời điểm cuối năm sẽ làm giảm lợi nhuận của các giá trị trình bày trong bảng bên dưới. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.

	2012 VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và vốn chủ sở hữu	(26.315.018.345)

Việc tăng 10%, 5% và 5% của VND so với USD, EUR, JPY có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với kết quả, dựa trên giả định rằng tất cả các biến số khác không đổi.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(f) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được ước tính tại giá trị của các công cụ có thể được chuyển đổi trong giao dịch giữa các bên liên quan. Giá trị hợp lý của các công cụ được xác định chỉ cho mục đích trình bày.

Nhóm công ty đã sử dụng phương pháp và giả định dưới đây để ước lượng giá trị hợp lý:

- Giá trị ghi sổ của các khoản tiền và tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, phải trả người bán và phải trả khác và các khoản vay ngắn hạn tương đương với giá trị ghi sổ của chúng vì các công cụ này là ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn được ước tính dựa trên giá trị tương lai của dòng tiền được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

30. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Nhóm công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	14.177.503.959
	-	14.177.503.959

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	883.911.000	1.177.127.250
Trong vòng hai đến năm năm	2.446.236.000	2.721.760.000
Sau năm năm	815.412.000	900.845.000
	4.145.559.000	4.799.732.250

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	451.269.029.095	717.756.917.904
Chi phí nhân công	74.676.931.787	96.429.853.915
Chi phí khấu hao và phân bổ	23.617.069.708	12.299.780.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.666.098.967	41.763.349.958
Chi phí khác	69.312.438.437	73.226.984.715

Người lập:

Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2012